

Số: 36 /2016/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH



Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Thuế Tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và Cục trưởng Cục Thuế tại Tờ trình liên ngành số 4064/TTrLN-STC-STNMT-CT ngày 17 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và văn bản số 4478/STC-QLGCS ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Các nội dung khác không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo Luật thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009, Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Thông tư số 152/2015/TT-BTC

ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kê khai, tính thuế tài nguyên và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khai thác tài nguyên nhưng không bán ra; hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán quy định; tổ chức, cá nhân nộp thuế tài nguyên theo phương pháp ấn định hoặc trường hợp loại tài nguyên xác định được sản lượng ở khâu khai thác nhưng do mô hình tổ chức, khai thác, sàng tuyển, tiêu thụ qua nhiều khâu độc lập nên không có đủ căn cứ để xác định giá bán tài nguyên khai thác; các trường hợp giá bán tài nguyên thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định.

Điều 3. Bảng giá tính thuế tài nguyên (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

ST T	Tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên
1	Bùn khoáng thô	đồng/tấn	800.000
2	Puzolan	đồng/m ³	110.000
3	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường, đá chế biến thủ công	đồng/m ³	100.000
4	Đá khối (đá khối dùng để xuất khẩu, dùng làm đá ốp lát; đá khối không đưa vào chế biến gia công của doanh nghiệp mà dùng làm nguyên liệu cho tổ chức, cá nhân khác)	đồng/m ³	2.000.000
5	Sét gạch ngói	đồng/m ³	35.000
6	Cát xây dựng	đồng/m ³	90.000
7	Cát thủy tinh	đồng/m ³	150.000
8	Cát san lấp (bao gồm cát nhiễm mặn)	đồng/m ³	45.000
9	Các loại đất, đất lùn đá... làm vật liệu san lấp, đắp nền còn lại	đồng/m ³	30.000
10	Than bùn	đồng/Tấn (ướt)	150.000

11	Nước thiên nhiên đóng chai, đóng hộp, sản xuất các loại nước giải khát khác	đồng/m ³	90.000
12	Nước thiên nhiên khai thác phục vụ các ngành sản xuất, dịch vụ (ngoài quy định tại điểm 11)		
a	Nước mặt	đồng/m ³	2.000
b	Nước dưới đất	đồng/m ³	4.000
13	Nước khoáng uống đóng chai	đồng/m ³	500.000
14	Nước khoáng ngâm tắm trị bệnh, phục vụ du lịch	đồng/m ³	6.000

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh hàng năm xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp với với biến động của thị trường và khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành.

2. Trách nhiệm của Cục thuế:

a) Trường hợp giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh không còn phù hợp hoặc bổ sung danh mục tài nguyên thì kịp thời thông báo cho Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh;

b) Gửi Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh về Tổng cục Thuế để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tính thuế tài nguyên theo đúng quy định;

c) Tổ chức quản lý thu thuế tài nguyên theo đúng quy định; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế tài nguyên theo quy định;

3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Theo dõi, rà soát các loại khoáng sản có phát sinh khai thác trên địa bàn tỉnh thuộc diện chịu thuế tài nguyên, kịp thời thông báo cho Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

2. Quyết định số 55/2011/QĐ-UBND ngày 19/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu quy định giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Website Chính phủ;
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh (để b/c);
- CT và Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN Tỉnh;
- Các Đoàn thể cấp Tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- Đài P.thanh-Truyền hình Tỉnh;
- Báo BR-VT;
- Trung tâm Công báo- Tin học tỉnh;
- Như Điều 5
- Lưu: VT, STC(2), H, (40).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long